

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2021.

V/v Tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Anh Luyến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng  
2. Ông Nguyễn Minh Biên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị S** - Sinh năm: 1977; Số CMND 073000612, cấp ngày 21-07-2009; nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Thôn Nà S, xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Trình độ văn hóa: 03/12. Hôm nay vắng mặt (có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Lục Xuân C** - Sinh năm: 1975; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Nùng; Số CMND: 073512802, cấp ngày 02-12-2016, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Thôn Nà S, xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt lần thứ 02 không có lý do

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 11-5-2021 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án của chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị S và anh Lục Xuân C trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H vào ngày 05-12-1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2009 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị S có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, bên cạnh đó anh Lục Xuân C thường xuyên uống rượu say, chị S có khuyên bảo nhưng anh C không nghe còn có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị S nhiều lần, mâu thuẫn của vợ, chồng

chị S đã được chính quyền thôn, xã giải quyết nhiều lần. Nhưng anh C vẫn không chịu sửa chữa vợ, chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lục Xuân C để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị S, anh C có hai con chung là cháu Lục Đình Q - Sinh ngày: 29-09-1999 và cháu Lục Văn Ch - Sinh ngày: 12-10-2000; Hiện nay các cháu đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Lục Xuân C nhiều lần, nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc. Ngày 25-8-2021, Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn Nà S, xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H. Qua xác minh cho thấy, anh Lục Xuân C hiện tại vẫn có mặt tại địa phương, anh C đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và có quan điểm từ chối đến Tòa án để giải quyết. Mâu thuẫn vợ, chồng chị S và anh C là do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được vì đương sự vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Nguyễn Thị S có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 27 tháng 8 năm 2021. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Nguyễn Thị S và các tài liệu kèm theo. Chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị S, anh C có hai con chung là cháu Lục Đình Q - Sinh ngày: 29-09-1999 và cháu Lục Văn Ch - Sinh ngày: 12-10-2000. Hiện nay cháu các đã trưởng thành chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Lục Xuân C vắng mặt không có lý do (Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Nguyễn Thị S đối với anh Lục Xuân C.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Lục Xuân C ly hôn.
3. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị S, anh C có hai con chung là cháu Lục Đình Q - Sinh ngày: 29-09-1999 và cháu Lục Văn Ch - Sinh ngày: 12-10-2000; Hiện nay các cháu đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về tài sản, công nợ: Chị S và anh C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.
5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết việc hôn nhân của chị S và anh C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Lục Xuân C xác lập quan hệ vợ, chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05-12-1997 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống vợ, chồng chị S và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S có đơn xin ly hôn với anh C. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh C cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh C là phù hợp. Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Cháu Lục Đình Q - Sinh ngày: 29-09-1999 và cháu Lục Văn Ch - Sinh ngày: 12-10-2000, các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị S và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị S và anh Lục Xuân C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc “Ly hôn” của chị Nguyễn Thị S đối với anh Lục Xuân C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Lục Xuân C ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002125 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (chị S đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Nguyễn Thị S và anh Lục Xuân C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Th, huyện V, tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Lâm Anh Luyện**